

Số: 15/2020/QĐST-DS

T, ngày 04 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26/6/2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLST-DS ngày 23/4/2020 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật*”.

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1986

Trú tại Khu chợ, thị trấn V, huyện T, thành phố H

Bị đơn: Bà An Thị T, sinh năm 1953

Trú tại: Số 293, đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1971

Trú tại: 312, phường M, quận H, thành phố H

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1979

Trú tại: Khu chợ, thị trấn V, huyện T, Thành Phố H

- Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1974

- Cháu Phạm Tiến Đ, sinh năm 2001

- Cháu Phạm Phương N, sinh năm 2003

- Cháu Phạm Tiến, D, sinh năm 2006

Cùng trú tại: Khu chợ, thị trấn V, huyện T, Thành phố H

(Anh T làm giám hộ cho cháu N và cháu Đ)

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1951

- Anh Phạm Quang H, sinh năm 1976

Cùng trú tại: Số 291, đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố H

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác nhận tài sản chung của bà An Thị T và ông Nguyễn H là ngôi nhà 4 tầng (diện tích mỗi sàn 59,2m²), ngôi nhà cấp 4 diện tích 36,4m² trên diện tích 95,6m² đất thuộc thửa số thửa số 65, tờ bản đồ số 30 (bản đồ lập năm 1994) tại số 293 đường N, Khu chợ, thị trấn V, huyện T, thành phố H có tổng giá trị là 8.060.247.200đ.

- Phân chia tài sản chung của ông Nguyễn H và bà An Thị T mỗi người được hưởng 4.030.123.600đ.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn H là năm 2002.
- Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn H là bà An Thị T và chị Nguyễn Thị H.
- Ghi nhận sự tự nguyện của chị H nhường toàn bộ kỹ phần thừa kế của chị cho bà An Thị T.

Giao bà T quản lý, sở hữu, sử dụng ngôi nhà 4 tầng (diện tích mỗi sàn 59,2m²), ngôi nhà cấp 4 diện tích 36,4m² trên diện tích 95,6m² đất thuộc thửa số thửa số 65, tờ bản đồ số 30 (Bản đồ lập năm 1994) tại số 293, đường N, khu chợ, thị trấn V, huyện T, thành phố H có tổng giá trị là 8.060.247.200đ. Có ranh giới như sau:

- Phía Tây giáp đường quốc lộ 1 A dài 7,68m;
- Phía Đông giáp chợ V dài 6,46m;
- Phía Nam giáp nhà ông C có các đoạn dài là: 8,04m; 0,74m; 5,45m và 0,15m;
- Phía Bắc giáp nhà bà Đ có các đoạn dài là: 7,81m; 0,18m; 1,74m; 0,21m; 3,61 và 0,15m. (có sơ đồ kèm theo)

(Bà T hiện đang quản lý, sử dụng toàn bộ những tài sản này)

Bà T phải nộp thuế nhận chuyển nhượng đất đối với 3,5m² đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích 38,4m² đất theo quy định của pháp luật.

Bà An Thị T được đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà T không phải chịu án phí DSST theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H được hoàn trả 21.450.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo phiếu thu số 6947 ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Thẩm phán

(Đã ký)